

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **186** /QĐ-UBND

Đồng Tháp, ngày **21** tháng **01** năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc bổ sung có mục tiêu từ nguồn ngân sách cấp tỉnh
cho ngân sách các xã, phường để phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội
khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 (đợt 1)**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 87/2025/TT-BTC ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031;

Căn cứ Nghị quyết số 32/2025/NQ-HĐND ngày 23 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc quy định nội dung chi, mức chi và thời gian được hưởng chế độ hỗ trợ đối với các nội dung chi phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 480/STC-QLNS ngày 16 tháng 01 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung có mục tiêu từ nguồn ngân sách cấp tỉnh (từ nguồn chi khác ngân sách cấp tỉnh năm 2025 với số tiền là 52.020.000.000 đồng và nguồn dự phòng ngân sách cấp tỉnh năm 2025 với số tiền là 84.130.000.000 đồng) cho ngân sách các xã, phường năm 2025 (chi tiết theo Phụ lục đính kèm), với tổng số tiền là 136.150.000.000 đồng để thực hiện công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 (đợt 1) như đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 480/STC-QLNS ngày 16 tháng 01 năm 2026.

Sở Tài chính chịu trách nhiệm trước pháp luật về các số liệu, nội dung báo cáo và đề xuất kiến nghị.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính thông báo, cấp kinh phí và hướng dẫn các địa phương thực hiện theo quy định và theo thẩm quyền.

2. Ủy ban nhân dân các xã, phường chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích; đồng thời, thực hiện các thủ tục thanh toán, quyết toán số kinh phí được bổ sung nêu trên đảm bảo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan, bảo đảm triển khai kịp thời đúng quy định, đúng chế độ chính sách, không để xảy ra thất thoát, lãng phí.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XVIII; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tài chính (báo cáo);
- Thường trực HĐND Tỉnh (báo cáo);
- UBBC tỉnh (báo cáo);
- Đảng ủy UBND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, P.KT/HSI.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH




Nguyễn Thành Diệu

Phụ lục
BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH CẤP XÃ KINH PHÍ PHỤC
VỤ BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI VÀ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN
DÂN CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2026-2031 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH (ĐỢT 1)

(Kèm theo Quyết định số **186** /QĐ-UBND ngày **21**/01/2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

ĐVT: 1.000 đồng

STT	ĐỊA PHƯƠNG	KINH PHÍ
	TỔNG CỘNG	136.150.000
1	Phường Đạo Thạnh	1.950.000
2	Phường Mỹ Tho	2.300.000
3	Phường Thới Sơn	1.350.000
4	Phường Mỹ Phong	1.500.000
5	Phường Trung An	1.500.000
6	Phường Long Thuận	1.150.000
7	Phường Gò Công	1.400.000
8	Phường Bình Xuân	1.150.000
9	Xã Tân Phước 1	1.150.000
10	Xã Tân Phước 2	1.100.000
11	Xã Hưng Thạnh	1.250.000
12	Xã Tân Phước 3	1.300.000
13	Xã Cái Bè	1.400.000
14	Xã Hậu Mỹ	1.100.000
15	Xã Mỹ Thiện	1.050.000
16	Xã Hội Cư	1.350.000
17	Xã Mỹ Đức Tây	1.200.000
18	Xã Mỹ Lợi	1.100.000
19	Xã Thanh Hưng	1.100.000
20	Xã An Hữu	1.250.000
21	Phường Mỹ Phước Tây	1.400.000
22	Phường Thanh Hòa	1.150.000
23	Phường Cai Lậy	1.250.000
24	Xã Thạnh Phú	1.150.000
25	Xã Mỹ Thành	1.450.000
26	Xã Tân Phú	1.200.000
27	Xã Bình Phú	1.550.000
28	Phường Nhị Quý	1.100.000
29	Xã Hiệp Đức	1.600.000
30	Xã Long Tiên	1.950.000
31	Xã Ngũ Hiệp	1.400.000
32	Xã Châu Thành	1.400.000

STT	ĐỊA PHƯƠNG	KINH PHÍ
33	Xã Tân Hương	1.300.000
34	Xã Long Hưng	1.650.000
35	Xã Long Định	1.750.000
36	Xã Bình Trung	1.550.000
37	Xã Vĩnh Kim	1.400.000
38	Xã Kim Sơn	1.100.000
39	Xã Chợ Gạo	1.400.000
40	Xã Mỹ Tịnh An	1.500.000
41	Xã Lương Hòa Lạc	1.450.000
42	Xã Tân Thuận Bình	1.850.000
43	Xã An Thạnh Thủy	1.650.000
44	Xã Bình Ninh	1.700.000
45	Xã Vĩnh Bình	1.450.000
46	Xã Đồng Sơn	1.150.000
47	Xã Phú Thành	1.050.000
48	Xã Vĩnh Hựu	1.000.000
49	Xã Long Bình	1.150.000
50	Xã Tân Thới	1.450.000
51	Xã Tân Phú Đông	1.300.000
52	Xã Tân Hòa	1.350.000
53	Xã Gia Thuận	1.750.000
54	Xã Tân Đông	1.650.000
55	Phường Sơn Qui	1.400.000
56	Xã Tân Điền	1.050.000
57	Xã Gò Công Đông	1.450.000
58	Phường Cao Lãnh	2.950.000
59	Phường Mỹ Ngãi	1.300.000
60	Phường Mỹ Trà	1.300.000
61	Phường Sa Đéc	2.100.000
62	Xã Tân Hồng	1.150.000
63	Xã Tân Hộ Cơ	850.000
64	Xã Tân Thành	1.050.000
65	Xã An Phước	850.000
66	Phường An Bình	1.050.000
67	Phường Hồng Ngự	1.400.000
68	Xã Thường Phước	1.100.000
69	Phường Thường Lạc	1.100.000
70	Xã Long Khánh	950.000
71	Xã Long Phú Thuận	1.050.000
72	Xã Tràm Chim	950.000

STT	ĐỊA PHƯƠNG	KINH PHÍ
73	Xã Tam Nông	900.000
74	Xã An Hòa	900.000
75	Xã Phú Cường	1.050.000
76	Xã An Long	1.300.000
77	Xã Phú Thọ	1.100.000
78	Xã Tháp Mười	1.200.000
79	Xã Phương Thịnh	1.100.000
80	Xã Trường Xuân	1.000.000
81	Xã Mỹ Quý	1.300.000
82	Xã Đốc Binh Kiều	950.000
83	Xã Thanh Mỹ	900.000
84	Xã Mỹ Thọ	1.350.000
85	Xã Ba Sao	1.150.000
86	Xã Phong Mỹ	1.050.000
87	Xã Mỹ Hiệp	1.250.000
88	Xã Bình Hàng Trung	1.250.000
89	Xã Thanh Bình	1.200.000
90	Xã Tân Long	1.550.000
91	Xã Tân Thạnh	850.000
92	Xã Bình Thành	950.000
93	Xã Lấp Vò	1.650.000
94	Xã Mỹ An Hưng	1.400.000
95	Xã Tân Khánh Trung	1.350.000
96	Xã Hòa Long	1.700.000
97	Xã Tân Dương	1.250.000
98	Xã Lai Vung	1.500.000
99	Xã Phong Hòa	1.750.000
100	Xã Phú Hữu	2.050.000
101	Xã Tân Nhuận Đông	1.600.000
102	Xã Tân Phú Trung	1.700.000